TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-05-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn;

2. Ông Phạm Thanh Bình.

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 07/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh H, sinh năm: 1964; hộ khẩu thường trú: 162, tổ 6, khu phố 4, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

Bị đơn: Bà Bồ T, sinh năm: 1966; hộ khẩu thường trú: 162, tổ 6, khu phố 4, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh H trình bày:

Ông và bà Bồ T là vợ chồng, sống chung từ năm 1984, tuy nhiên đến năm 2004 vợ chồng bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H(nay là phường H), thị xã C, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa vợ chồng ông bà là tự nguyện.

Sau khi kết hôn, ông và bà T sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do bà T quản lý tiền bạc khiến cho ông sống gò bò, tù túng và không tự chủ được

về vấn đề tài chính và hoàn toàn phụ thuộc vào bà T. Bà T cũng không tin tưởng chồng con trong vấn đề tiền bạc. Vì vậy vợ chồng hay gây gỗ, cãi vã nhau.

Vì sống cảnh ngột ngạt, tù túng nên khoảng tháng 12 năm 2019 thì ông H bỏ ra nhà trọ sống một mình một thời gian khoảng hơn 01 tháng, sau đó ông trở về nhà sống cùng vợ con được hơn nửa tháng nhưng vì vợ chồng hay gây gỗ, cãi vã nhau nên ông tiếp tục lại ra ngoài ở trọ sinh sống một mình cho đến nay. Khi đi ông H có cầm theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T cho rằng ông Hoàng sống với người phụ nữ khác là không có. Hiện ông và bà T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không tiếp tục sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bồ T.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 01/10/2019 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Bồ T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh H là vợ chồng, sống chung từ năm 1984, đến năm 2004 bà T và ông H mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thị xã C, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân là tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông h có người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình, đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì ông Hoàng đã bỏ ra ngoài sống cho đến nay. Nay bà T nhận thấy vẫn còn tình cảm với chồng, muốn hàn gắn cuộc hôn nhân với ông H nên bà không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Con chung là Huỳnh H, sinh năm: 1992; Huỳnh K, sinh năm: 1995 và Huỳnh T, sinh năm: 1998. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn là phù hợp và nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; bị đơn bà Bồ Thị Tùng giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tung, không đồng ý ly hôn với ông Hoàng vì lý do còn tình cảm và muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh H khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn là bà Bồ T, bà T có địa chỉ cư trú tại: Số 162, tổ 6, khu phố 4, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Huỳnh H và bà Bồ T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1984 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thị xã C, tỉnh Bình Dương vào năm 2004, hôn nhân giữa ông H và bà T là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp.Sau khi kết hôn vợ chồng ông H chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khoảng cuối năm 2019. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do mâu thuẫn về tài chính, bà T quản lý tiền bạc làm cho ông H không tự chủ được tài chính trong gia đình. Bà T cũng không tin tưởng ông H trong vấn đề tiền bạc làm cho vợ chồng mất niềm tin lẫn nhau. Vì vậy, gây ra việc vợ chồng hay gây gỗ, cãi vã nhau. Ông H và bà T đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/02/2020 tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng ông H sinh sống và người thân của ông Hoàng cho thấy hôn nhân của vợ chồng ông H, bà Tđược xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống ông H và bà T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H có người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình, đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì ông H đã bỏ ra ngoài sống cho đến nay.

Xét mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà T để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà T có 03 con chung tên là Huỳnh H, sinh năm: 1992; Huỳnh K, sinh năm: 1995 và Huỳnh T, sinh năm:

1998. Xét thấy, các con chung đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung: Ông H có yêu cầu rút lại yêu cầu về việc chia tài sản chung để vợ chồng ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T không có yêu cầu về việc chia tài sản chung của vợ chồng. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244 và Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Hoàng đối với bị đơn bà Bồ Thị Tùng về việc: "Tranh chấp ly hôn".

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh H được ly hôn với bà Bồ T.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Hoàng về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

5. Về án phí: Ông Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0042474 ngày 03/01/2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Ông H được nhận lại 1.000.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THA dân sự thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- UBND phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Thảo